

Triển vọng ngành Dầu khí năm 2024:

Tiếp tục xu hướng phân hóa lợi nhuận trong năm 2024

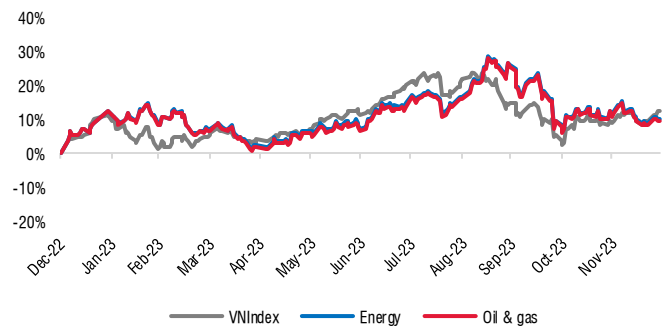
Triển vọng năm 2024: Trung lập

Cổ phiếu ưa thích: PLX, PVD.

Trong năm 2023, cổ phiếu ngành Dầu khí diễn biến gần với chỉ số VNIndex nhờ giá dầu ổn định

Trong năm 2023, giá cổ phiếu ngành Dầu khí tăng 9%, thấp hơn một chút so với chỉ số VNIndex nhưng chứng kiến sự phân hóa. Trong đó các cổ phiếu thượng nguồn như PVS và PVD có diễn biến giá tăng mạnh lần lượt là 59% và 81% nhờ hoạt động E&P cải thiện, đặc biệt là đại dự án Block B. Ngược lại, các cổ phiếu trung nguồn như PLX và GAS có diễn biến giá thấp hơn, cụ thể giá cổ phiếu PLX tăng 11% còn giá cổ phiếu GAS giảm 8% trong bối cảnh giá dầu không mấy tích cực trong nửa cuối năm. Ngoài ra, BSR là một trường hợp ngoại lệ khi đạt mức tăng giá là 45% trong năm 2023 nhờ mức nền giá thấp vào cuối năm 2022, sau khi giá cổ phiếu giảm 42% trong năm 2022 so với mức giảm 33% của VNIndex.

Diễn biến ngành trong năm 2023



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

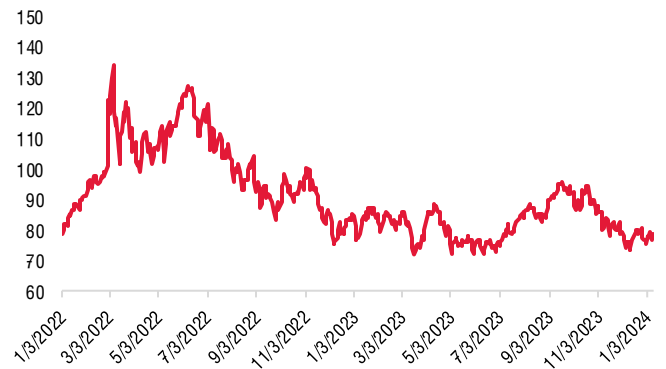
Triển vọng năm 2024

Giá dầu trung bình năm 2024 có thể duy trì ổn định hoặc giảm nhẹ so với mức giá trung bình năm 2023 do nhu cầu có thể tăng trưởng chậm lại trong khi sản lượng tăng: Theo EIA, nhu cầu dầu toàn cầu dự báo tăng 2,3 triệu thùng/ngày lên 101,7 triệu thùng/ngày trong năm 2023, cao hơn mức tăng chậm 1,8 triệu thùng/ngày của nguồn cung (đạt 101,9 triệu thùng/ngày).

Trong năm 2024, tăng trưởng nhu cầu toàn cầu dự kiến sẽ chậm lại còn 1,1 triệu thùng/ngày. Mặt khác, mặc dù OPEC+ tiếp tục cắt giảm 2,2 triệu thùng trong Q1/2024, nguồn cung dự kiến sẽ tăng 1,2 triệu thùng/ngày từ các quốc gia không thuộc OPEC+, đặc biệt là Mỹ, Brazil và Iran. Nguồn cung từ Mỹ ước tính tăng 1,4 triệu thùng/ngày trong năm 2023, chiếm 2/3 mức tăng trưởng nguồn cung ngoài OPEC+, so với mức giảm 400 nghìn thùng/ngày của OPEC+.

Chúng tôi kỳ vọng giá dầu trung bình sẽ đạt mức 75-85 USD/thùng trong năm 2024 so với mức trung bình 82 USD/thùng so với đầu năm. Theo Wood Mackenzie, mức giá này vẫn mang lại lợi nhuận cho phần lớn các dự án E&P hiện tại.

Giá dầu Brent (USD/thùng)



Nguồn: Bloomberg

Cập nhật các dự án E&P trọng điểm:

Với môi trường giá dầu neo ở mức cao trong năm 2023, hoạt động E&P toàn cầu đã âm hơn đáng kể sau một thời gian dài thiếu đầu tư (giai đoạn 2016-2021), khi các quốc gia ở cả khu vực Trung Đông và APAC công bố kế hoạch bổ sung công suất trong 3-5 năm tới, thúc đẩy nhu cầu về các dịch vụ thượng nguồn như xây dựng EPCI và khoan ngoài khơi. Cụ thể, Công ty Dầu khí Quốc gia Abu Dhabi của UAE (ADNOC) đã phân bổ 650 triệu USD cho hàng nghìn giếng khoan trong kế hoạch tăng 25% công suất sản xuất dầu của UAE lên 5 triệu thùng/ngày vào năm 2030. Saudi Aramco cũng có kế hoạch tăng công suất thêm 1 triệu thùng/ngày vào năm 2027. Đối với Việt Nam, PVN cũng cho biết năm 2023 là năm thành công trong hoạt động thăm dò và sản xuất, với trữ lượng thăm dò mới là 13 triệu tấn quy dầu trong khi sản lượng dầu thô đạt 10,5 triệu tấn (cao hơn 12% so với kế hoạch). Sản lượng khí sản xuất cũng đạt 7,5 tỷ m³ (cao hơn 25% so với kế hoạch).

Tại thị trường trong nước, kết thúc 1 năm 2023 kém tích cực, các hoạt động phát triển E&P đã bắt đầu có dấu hiệu cải thiện trong năm 2024 với việc hoàn thành và khởi động nhiều dự án (chi tiết như dưới đây). Dự án Block B vẫn là dự án E&P lớn nhất cả nước mà chúng tôi kỳ vọng có thể đạt được quyết định đầu tư cuối cùng và khởi công xây dựng trong nửa cuối năm 2024.

LNG Thị Vải: Kho cảng LNG Thị Vải có sức chứa 1 triệu tấn và khả năng cung cấp 1,4 tỷ m³/năm, đã chạy thử nghiệm thí điểm trong tháng 7 và đưa vào vận hành vào tháng 10. GAS cũng đang hoàn thiện nghiên cứu khả thi về việc mở rộng công suất kho cảng LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm cũng như dự án LNG Sơn Mỹ.

Sư Tử Trắng (Sư Tử Trắng), giai đoạn 2B: GAS đang cập nhật báo cáo tiền khả thi của dự án và dự kiến dự án sẽ bắt đầu đi vào hoạt động sớm nhất vào năm 2027, với nguồn cung khí 1,2 tỷ m³/năm. Giai đoạn 2A trước đó đã đi vào hoạt động từ tháng 6/2021, với tổng trữ lượng khí tự nhiên là 5,5 tỷ m³ và 63 triệu thùng condensate dự kiến sẽ được khai thác trong giai đoạn 2021-2025.

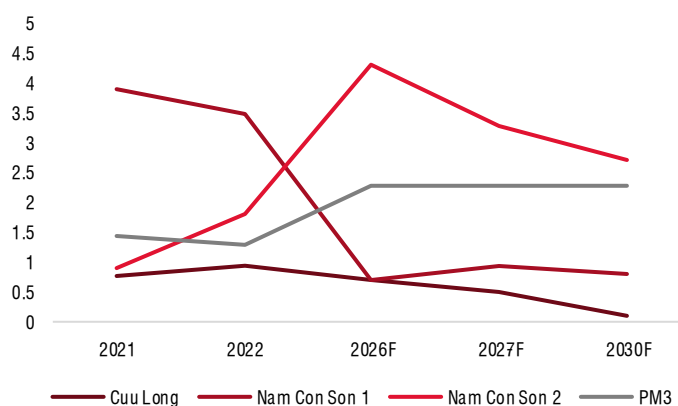
Lạc Đà Vàng (Lạc Đà Vàng): Mỏ Lạc Đà Vàng thuộc bể Cửu Long đã có quyết định đầu tư cuối cùng vào cuối năm 2023 với tổng giá trị đầu tư là 700 triệu USD. Dự án dự kiến sẽ khai thác dòng khí đầu tiên vào năm 2026. Mỏ có tổng trữ lượng dầu quy đổi ước tính là 100 triệu thùng, và có thể khai thác tối đa từ 30 đến 40 nghìn thùng dầu quy đổi mỗi ngày.

Block B: PVN đã tổ chức lễ ký kết và triển khai tại Hà Nội để khởi động đại dự án điện khí Block B – Ô Môn vào tháng 10/2023, tại buổi lễ liên danh nhà thầu PTSC-McDermott đã được trao gói thầu EPCI #1 với điều khoản giới hạn. Tổng giá trị của gói EPCI #1 (bao gồm giàn vận hành trung tâm, khu sinh hoạt và một số giàn đầu giếng) ước tính có tổng giá trị là 1,1 tỷ USD. Ngoài ra, các gói EPCI#2 và #3 gần đây cũng đã được trao thầu với các điều khoản giới hạn (cả cho PTSC và các đối tác của PTSC) cho giàn đầu giếng và đường ống nội địa. Điều này thể hiện ý chí mạnh mẽ của Chính phủ và các nhà đầu tư của dự án đang vượt qua nhiều trở ngại để đi đến quyết định đầu tư cuối cùng, với mục tiêu khai thác dòng khí đầu tiên vào năm 2026.

Gói thầu sẽ cho phép PTSC và các đối tác sớm chuẩn bị hợp đồng EPC dù chưa có quyết định đầu tư cuối cùng, với mục tiêu đẩy nhanh tiến độ dự án nếu nhà đầu tư đạt được quyết định đầu tư cuối cùng sau này. Tuy nhiên, giá trị công việc ban đầu sẽ tương đối nhỏ và không đóng góp nhiều vào chỉ tiêu tài chính trong nửa đầu năm 2024.

Trong năm 2024, với dự báo giá dầu khó tăng mạnh, dự án Block B vẫn sẽ là động lực chính của ngành dầu khí với tính chất khá cấp thiết để bù đắp cho các mỏ khí nội địa đang dần cạn kiệt trong thời gian tới. Chính phủ Việt Nam vẫn duy trì mục tiêu khai thác dòng khí đầu tiên vào cuối năm 2026. Tuy nhiên, vẫn còn những trở ngại trong việc giải quyết FID, đặc biệt là việc ký kết GSPA/GSA với cả sản lượng cam kết, giá khí và quyết định đầu tư cuối cùng cho dự án nhà máy điện Ô Môn 3 & 4. Những vấn đề này cần được Chính phủ làm rõ và đưa ra các biện pháp cụ thể hơn. Tuy nhiên, tin tức cập nhật về dự án sẽ tiếp tục hỗ trợ giá cổ phiếu ngành dầu khí, đặc biệt là các công ty thượng nguồn.

Sản lượng từ các bể khí trọng điểm (tỷ m³/năm)



Nguồn: PVN, GAS, SSI Research

Như đã đề cập ở trên, hoạt động E&P sôi động hơn làm tăng nhu cầu thăm dò và phát triển các mỏ dầu khí cũng như nhu cầu khoan cao hơn, đặc biệt đối với phân khúc khoan ngoài khơi vì hầu hết nhu cầu đều tập trung ở khu vực Trung Đông và APAC. Điều này đẩy giá thuê ngày của các giàn khoan tự nâng IC 360-400 lên khoảng 120 nghìn-150 nghìn USD/ngày (từ mức thấp 60 nghìn USD/ngày trong năm 2021), gần như tương đương với khung giá trong chu kỳ khoan trước đây (giai đoạn 2013-2015), và giá thuê giàn nửa chìm nửa nổi được đẩy lên mức 250 nghìn-300 nghìn USD/ngày (cao hơn gấp đôi so với mức đáy gần đây). Theo S&P Global, tỷ lệ công suất giàn khoan cũng tốt hơn nhiều đạt gần 90%, so với công suất năm ngoái là từ 75% -80%. Nguồn cung mới cũng rất hạn chế, với các đơn đóng mới chỉ chiếm khoảng 4% số lượng giàn khoan tự nâng hiện tại, do đó, bất kỳ sự tăng trưởng nào về nhu cầu sẽ đẩy giá thuê tăng lên.

Chúng tôi dự báo sự phân hóa về tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2023 vẫn sẽ tiếp diễn trong năm 2024.

Năm 2023 là năm ghi nhận sự phân hóa về tăng trưởng lợi nhuận của các công ty dầu khí, trong đó các công ty trung nguồn như BSR và GAS có sự sụt giảm lợi nhuận đáng kể so với mức đỉnh năm 2022 do giá dầu giảm. Ngược lại, các công ty thượng nguồn như PVS và PVD đã đạt được sự phục hồi lợi nhuận tích cực nhờ hoạt động E&P sôi động hơn.

	Doanh thu			Lợi nhuận ròng		
	9T23	9T22	% svck	9T23	9T22	% svck
GAS	67.383	78.672	-14%	9.017	11.726	-23%
BSR	105.491	126.717	-17%	6.186	12.899	-52%
PLX	205.596	225.697	-9%	2.288	498	359%
PVD	4.033	3.923	3%	344	-202	N.a
PVS	12.591	11.082	14%	606	454	34%

Nguồn: Công ty, SSI Research

Chúng tôi kỳ vọng xu hướng này có thể tiếp diễn trong năm 2024. Những cổ phiếu trung nguồn như GAS và BSR có thể tiếp tục ghi nhận mức lợi nhuận giảm khoảng 5%-10% do sản lượng tiêu thụ giảm do các mỏ hiện tại đang dần cạn kiệt (đối với GAS) và nhà máy tạm dừng hoạt động để bảo trì (đối với BSR). PLX sẽ có mức tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi dương do sản lượng tăng trưởng ổn định và khả năng giảm trích lập dự phòng hàng tồn kho, ngoài ra năm 2023 công ty dự kiến ghi nhận khoản lợi nhuận bất thường hơn 650 tỷ đồng từ thương vụ thoái vốn PGB.

Ngược lại, các công ty thượng nguồn như PVD và PVS sẽ có thể duy trì đà tăng trưởng nhờ vào hoạt động E&P sôi động trong khu vực và được hưởng lợi chính từ dự án Block B. Chúng tôi dự báo PVD sẽ có mức tăng trưởng lợi nhuận cao nhất trong ngành, (tăng khoảng 80%) phần lớn nhờ công suất hoạt động cao hơn và giá cho thuê giàn khoan ổn định.

Về mặt định giá, mức tăng trưởng lợi nhuận đã phần nào phản ánh vào giá: Mức định giá của các cổ phiếu thượng nguồn như PVS và PVD đã được duy trì ở mức cao trong năm 2023 nhờ triển vọng dài hạn tích cực. Tuy nhiên, P/E TTM hiện tại vẫn thấp hơn mức đỉnh trong năm 2021.

Ngược lại, mức định giá của các cổ phiếu trung nguồn như GAS, PLX và BSR đã giảm do triển vọng tăng trưởng lợi nhuận năm 2024 giảm.

Rủi ro: Giá dầu giảm và dự án Block B-Ô Môn bị trì hoãn sau năm 2024.

Cổ phiếu ưa thích: PLX & PVD

1. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, PLX: HOSE)

- **Giá cổ phiếu ngày 29/12/2023: 34.500 Đồng/cp; Giá mục tiêu 1 năm: 40.600 Đồng/cp**
- **Luận điểm đầu tư**
 - ✓ Công ty có thể cải thiện thị phần, đặc biệt trong kênh bán lẻ khi Chính phủ áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu, đặc biệt là với một số công ty lớn như Xuyên Việt Oil, có doanh thu tương đương khoảng 10% doanh thu của PLX trong năm 2022.
 - ✓ Chính phủ đã phê duyệt Nghị định 80 vào ngày 17/11/2023 sửa đổi Nghị định 95/2021 và Nghị định 83/2014 quy định về kinh doanh xăng dầu. Theo đó, **chu kỳ điều chỉnh giá xăng dầu sẽ thay đổi từ 10 ngày xuống 7 ngày**, đồng thời điều chỉnh các yếu tố khác trong công thức tính giá xăng dầu như **chi phí vận chuyển, chi phí/ lợi nhuận định mức, thuê và phí sẽ được điều chỉnh theo quý, thay vì 2 lần/năm như trước đây**. Điều này sẽ giúp giá xăng dầu phản ánh chi phí hoạt động của nhà phân phối kịp thời hơn, từ đó giúp nhà phân phối quản lý được biên lợi nhuận.
 - ✓ Định giá hấp dẫn so với thị trường chung và trung bình lịch sử của cổ phiếu, đồng thời lợi nhuận cốt lõi dự kiến tăng khoảng 10% trong năm 2024.
- **Rủi ro:**
 - ✓ Giá dầu giảm đáng kể có thể sẽ có tác động tiêu cực trong ngắn hạn đến biên lợi nhuận của công ty.

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần	189.604	123.919	169.009	304.080	276.179	285.188
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	-1,2%	-34,6%	36,4%	79,9%	-9,2%	3,3%
Lợi nhuận gộp	14.169	10.040	12.623	12.322	15.512	15.946
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	7,5%	8,1%	7,5%	4,1%	5,6%	5,6%
Thu nhập tài chính	1.004	917	1.000	1.932	2.582	2.093
Chi phí tài chính	-966	-952	-836	-1.690	-1.496	-1.376
SG&A	-9.342	-9.411	-9.839	-11.337	-12.759	-12.976
Thu nhập ròng khác	136	218	272	334	138	143
Lợi nhuận trước thuế	5.648	1.410	3.789	2.260	4.576	4.379
Lợi nhuận ròng	4.677	1.253	3.124	1.913	3.752	3.591
<i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	12,6%	-73,2%	149,4%	-38,8%	96,2%	-4,3%
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	2,5%	1,0%	1,8%	0,6%	1,4%	1,3%
NPATMI	4.158	988	2.839	1.480	3.452	3.339
EPS (VND)	3.213	764	2.194	1.144	2.635	2.549

Nguồn: SSI Research

2. Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD: HOSE)

- **Giá cổ phiếu ngày 29/12/2023: 28.300 Đồng/cp; Giá mục tiêu 1 năm: 30.500 Đồng/cp**
- **Luận điểm đầu tư**
 - ✓ Ngành khoan đang trong chu kỳ tăng với các hợp đồng có khả năng được ký đến năm 2025 và một số hợp đồng dự kiến kéo dài thời hạn đến 2026-2028. Giá thuê ngày được thỏa thuận dao động trong khoảng 120 nghìn-150 nghìn USD/ngày do đó các công ty khoan đều được hưởng lợi.
 - ✓ Lợi nhuận cốt lõi trong giai đoạn 2024-2025 ước tính sẽ tăng gấp đôi mỗi năm do giá thuê ngày cao hơn và bắt đầu có hiệu lực dần khi hợp đồng cũ hết hạn.
 - ✓ Công ty có kế hoạch tăng công suất bằng cách đầu tư thêm 1-2 giàn khoan trong thời gian tới, nếu thành công công ty có thể sẽ đạt được tăng trưởng hơn nữa nếu chu kỳ tăng của ngành kéo dài từ 3-5 năm.
- **Rủi ro:**
 - ✓ Giá dầu giảm đáng kể xuống dưới mức hòa vốn đối với các dự án đang triển khai (khoảng 80% dự án hòa vốn ở mức 60 USD/thùng) sẽ khiến hoạt động E&P kém sôi động.
 - ✓ Biến động của tỷ giá ngoại hối.

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần	4.368	5.229	3.995	5.432	4.997	6.004
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	<i>-20,6%</i>	<i>19,7%</i>	<i>-23,6%</i>	<i>35,9%</i>	<i>-8,0%</i>	<i>20,2%</i>
Lợi nhuận gộp	450	329	371	578	1.029	1.575
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>10,3%</i>	<i>6,3%</i>	<i>9,3%</i>	<i>10,6%</i>	<i>20,6%</i>	<i>26,2%</i>
Thu nhập tài chính	165	157	164	118	143	212
Chi phí tài chính	-241	-201	-171	-313	-292	-253
SG&A	-414	-328	-399	-510	-365	-378
Thu nhập ròng khác	118	30	-7	-56	105	0
Lợi nhuận trước thuế	189	204	62	-135	668	1.204
Lợi nhuận ròng	172	184	37	-151	534	963
<i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	<i>-0,3%</i>	<i>6,8%</i>	<i>-80,0%</i>	<i>-510,4%</i>	<i>-453,8%</i>	<i>80,4%</i>
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	<i>3,9%</i>	<i>3,5%</i>	<i>0,9%</i>	<i>-2,8%</i>	<i>10,7%</i>	<i>16,0%</i>
NPATMI	184	186	20	-99	507	915
EPS (VND)	438	442	46	-177	866	1.563

Nguồn: SSI Research

No	Ticker	% Upside	Target Price (VND)	Current Price (VND)	NPATMI Growth			P/E			ROE			Dividend Yield (%)		
		in 1yr	in 1yr	12/29/2023	2022	2023	2024	2022	2023	2024	2022	2023	2024	2022	2023	2024
1	PLX	18,3%	40.800	34.500	-48,9%	138,1%	-3,3%	30,6	13,1	13,5	6,8%	12,7%	11,5%	2,2%	4,3%	4,3%
2	PVD	7,8%	30.500	28.300	N.m	592,5%	80,5%	-71,4	32,7	18,1	-1,1%	3,7%	6,2%	0,0%	0,0%	0,0%

Nguồn: SSI Research

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Lê Huyền Trang

Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu

tranglh1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu

chaunbm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

Phân tích Ngành Dầu khí

Đào Minh Châu, CFA

Phó Giám đốc Phân tích Cổ phiếu

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: +84 – 28 3636 3688 ext. 3052

Nguyễn Hoàng Giang

Trưởng phòng Phân tích Cổ phiếu

giangnh@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8703

Dữ liệu

Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ

vietlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baongq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư

chauttb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043